CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 04 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						*354 967*	*151 349*	*203 591*			
I		CẢNG CHÍNH						111 066	28 936	82 130			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						*44 035*	*28 936*	*15 099*			
1		XD CN MỎ	27/06	991/06	30/06	BN 1835	CỤC XÔ 1C	1 100	1 084	16	02/07	TD	GIA HẠN L1
2		THAN MIỀN NAM	01/07	1050/07		VIỆT THUẬN 095-01	CÁM 5A.1	8 700	8 660	40	02/07		
3		KDT HÀ BẮC	30/06	1048/06		BN 1388	CÁM 5A.1	1 980	1 952	28	02/07	PTCB	GIA HẠN L1
4		ĐẠM NINH BÌNH	03/07	1054/07	18/07	NB 8519	CÁM 4A.1	3 005	2 960	45	02/7		
5		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	30/06	1044/06		VIỆT THUẬN 30-06	CÁM 6A.1	29 250	14 280	14 970	DỞ		
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						*67 031*		*67 031*			
1		XD CN MỎ	23/06	631/04	29/06	BN 2519	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
2		XD CN MỎ	23/06	730/04	29/06	BN 2276	Cám 4b.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
3		CROMIT CĐ THANH HÓA	26/06	764/04	30/06	HD 2266	Cám 4b.1	1 980		1 980		TD	
4		CROMIT CĐ THANH HÓA	23/06	786/04	30/06	HD 2558	CỤC XÔ 1C	2 080		2 080		TD	GIA HẠN L2
5		XD CN MỎ	27/06	815/05	30/06	BN 1459	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
6		DVVT QUẢNG NINH	23/06	841/05	30/06	BN 2228	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
7		KDT BẮC THÁI	26/06	932/05	30/06	HD 1818	CÁM 1	1 981		1 981		TD	
8		KDT BẮC THÁI	26/06	933/05	30/06	BN 1158	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠI L1
9		KDT BẮC THÁI	26/06	934/05	30/06	BN 2033	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	
10		VTT VINACOMIN	23/06	937/05	30/06	BN 1468	CUỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
11		CROMIT CĐ THANH HÓA	23/06	943/05	30/06	HD 2095	CỤC XÔ 1C	1 988		1 988		TD	GIA HJAN L1
12		CROMIT THANH HOÁ	30/06	944/05		NB 8927	CÁM 4B.1	3 020		3 020		TD	
13		KDT CẦU ĐUỐNG	26/06	947/05	30/06	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
14		ĐT TMDV VINACOMIN	03/07	953-B/06	18/07	BN 1826	CỤC XÔ 1C	1 050		1 050		TD	THAY TBGT SỐ 953/6
15		THAN SÔNG HỒNG	24/06	977/06	30/06	BN 2006	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
16		DVVT QUẢNG NINH	03/07	955-B/05	18/07	BN 1879	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000			THAY TBGT SỐ 955/6
17		DVVT QUẢNG NINH	02/06	956/05	17/06	BN 1997	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000			
18		CP VTT VINACOMIN	02/06	961/06	17/06	BN 2022	CỤC XÔ 1C	1 020		1 020			
19		V-TRACO	05/06	969/06	20/06	BN 2368	CỤC XÔ 1C	1 550		1 550		TD	
20		THAN MIỀN NAM	06/06	979/06		VT 095-01	CÁM 5A.1	8 750		8 750			
21		KDT HẢI PHÒNG	11/06	989/06	26/6	HP 5925	CÁN 5A.1	1 550		1 550		PTCB	
22		XD CN MỎ	01/07	991-B/06	08/07	BN 1835	CỤC XÔ1C	1 100		1 100		TD	
23		KDT BẮC THÁI	16/06	1005/06	30/06	BN 2308	CÁM1	1 530		1 530		TD	
24		XD CN MỎ	17/06	1010/06	30/06	BN 2112	Cám 4b.1	1 200		1 200		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 04 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
25		KDT BẮC THÁI	24/06	1028/06		HD 2099	CÁM 1	1 980		1 980		TD	
26		KDT BẮC THÁI	24/06	1029/06		BN 1869	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	
27		KDT BẮC THÁI	24/06	1030/06		BN 2508	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	
28		ĐẠM NINH BÌNH	26/06	1033/06		NB 6339	CÁM 4A.1	4 000		4 000			
30		COALIMEX	01/07	1045-B/06	16/06	QN 7237	CÁN 5A.1	5 312		5 312		PTCB	GIA HẠN L1
31		KDT HÀ BẮC	30/06	1046/06		BN 1309	CỤC XÔ1C	1 000		1 000		TD	
32		KDT HÀ BẮC	30/06	1047/06		BN 2168	CÁM 5A.1	1 000		1 000		PTCB	
33		KDT HÀ BẮC	30/06	1049/06		BN 0937	CÁM 5A.1	1 170		1 170		PTCB	
34		THAN MIỀN NAM	01/07	1050/06		VIỆT THUẬN 095-01	CÁM 5A.1	8 700		8 700			
35		ĐT TMDV VINACOMIN	01/07	1051/07		BN 1758	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	
36		CP HÀNG HẢI VN	02/07	1053/07	17/07	BN 1816	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
	Tàu chuyển tải							**164 000**	**85 259**	**78 741**			
	Tàu đang làm hàng							***164 000***	***85 259***	***78 741***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	19/06	1012/06		QUANG VINH 188	CÁM 6A.1	22 800	22 390	410	DỞ		
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	19/06	1014/06		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 5A.10	20 500	9 444	11 056	DỞ		KVDB:6.000 -CLM:14.500
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 21	23/06	1021/06		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 6A.10	23 000	20 786	2 214	DỞ		
4		ĐIỆN VŨNG ÁNG	25/06	1027/06		VIỆT THUẬN 235	CÁM 5A.10	22 750	13 050	9 700	DỞ		KVDB:5.000 - CLM:17.750
5		ĐIỆN VŨNG ÁNG	26/06	1034/06		VIỆT THUẬN 235-01	CÁM 5A.14	22 800	8 389	14 411	DỞ		CLM:11.000 - KDT CP:11.800
6		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	29/06	1040/06		HẢI NAM 39	CÁM 6A.1	28 850	7 200	21 650	DỞ		KVCP:5.850 - TTHG:23.000
7		DẦU KHÍ HÀ TĨNH	30/06	1043/06		TRƯỜNG NGUYÊN OCEAN	CÁM 5A.10	23 300	4 000	19 300	DỞ		KVDB:5.000 - CLM:18.300
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)												
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**13 040**	**5 894**	**7 146**			
	Tàu đã làm hàng							***5 940***	***5 894***	***46***			
1		HẢI PHÒNG	03/7	85	17/7	HD - 6818	CÁM 6B.1	1 850	1 836	14	03/7		
2		CP SXTM THAN UÔNG BÍ	02/7	71	16/7	NAM ANH 69	CÁM 8A	1 450	1 436	14	03/7		
3		XD CN MỎ	02/7	73	16/7	BN - 1309	CÁM 8A	1 100	1 094	6	03/7		
4		XD CN MỎ	02/7	75	16/7	BN - 2005	CÁM 8A	1 540	1 528	12	03/7		
	Tàu đã làm lệnh							***7 100***		***7 100***			
1		CP VT&KD THAN	02/7	61	16/7	BN - 1368	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
2		XD CN MỎ	02/7	74	16/7	BN - 2397	CÁM 8A	1 070		1 070		TD	
3		MIỀN TRUNG	03/7	87	17/7	PHÚC THỊNH 18	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
4		MIỀN TRUNG	03/7	87	17/7	PHÚC THỊNH 18	CỤC 1B	930		930		TD	
5		SÔNG HỒNG	03/7	90	17/7	BN - 2366	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 04 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
6		CP DVVT QNINH	03/7	91	17/7	BN - 2646	CỤC 1A	1 100		1 100		TD	
7		CẦU ĐUỐNG	03/7	94	17/7	BN - 1809	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							**7 335**	-	**7 308**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh							***7 335***		***7 308***			
1		ĐIỆN PHÁ LẠI	24/06	1020/6	30/06	TĐ 01 CHN	CẨM 5B.14	2 380		2 380			
2		CP DVVT QUẢN NINH	24/06	1536-B	30/06	BN 2225	CẨM 8C	1 070		1 070			GIA HẠN L1
3		COALIMEX	27/06	1409		BN 2397	CẨM 8A	1 000		1 000	TD		GIA HẠN L1
4		CROMIT THANH HOÁ	30/06	1262		BN 1839	CỤC XÔ 1B	900		900	TD		
5		CP DVVT QUẢN NINH	01/07	25-B		BN 2565	BÙN 3C	1 985		1 958	TD		
IV	**KHO CẢNG KM6**							**9 526**	**6 558**	**2 968**			
	Tàu đã làm hàng							***6 581***	***6 558***	***23***			
1		HẢI NAM 39 (ĐIỆN VĨNH TÂN 1)	02/7	41		SƠN HẢI 07	Cám 6a.1	2 294	2 283	11	03/7		
2		KDT HÀ NAM NINH	03/7	86	17/7	BN 2332	Cám 5b.1	1 937	1 932	5	03/7	CBPT	
3		KDT MIỀN BẮC	03/7	88	17/7	NĐ 4349	Cám 5b.1	2 350	2 343	7	03/7	CBPT	
	Tàu đã làm lệnh							***2 945***		***2 945***			
1		KDT MIỀN BẮC	03/7	93	17/7	BN 1313	Cám 6a.1	1 845		1 845		CBPT	
2		TM DV VINACOMIN	02/7	1151 B	17/7	PT 2698	Cục 1b	1 100		1 100		TD	
V	**TÀU XUẤT KHẨU**												
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh												
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**50 000**	**24 702**	**25 298**			
	Tàu đã làm hàng							***50 000***	***24 702***	***25 298***			
1		ÚC	25/06	CLM		MV MARINNE STOEGER		20 000	6 091	13 909	DỞ		
2		NAM PHI	11/6	CLM		MV GUO YUAN 22		10 000	3 200	6 800	DỞ		
3		NAM PHI	19/06	CLM		ONE ENERGY		20 000	15 411	4 589	DỞ		
	Tàu đã làm lệnh												

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 04 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	